

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Chiến

2. Ông Nguyễn Hữu Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11/10/2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 14/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Kiều O, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu 04, xã H, thành phố V, tỉnh P

- Bị đơn: Anh Đào Việt N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tiểu đoàn Y, Sư đoàn X, Quân khu 2, đóng tại khu P, xã T, huyện Đ, tỉnh P

Chị O và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Tạ Kiều O trình bày:

Chị và anh Đào Việt N đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh P trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh N tại thị trấn P, huyện P, đến năm 2009 gia đình anh N chuyển về xã H, thành phố V, tỉnh P sinh sống từ đó đến nay.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh N là người chơi bời, nợ nần nhiều người, không quan tâm gì đến gia đình, vợ, con. Trước đây chị đã phải trả nợ thay cho anh N rất nhiều lần. Mấy năm trở lại đây chị không còn tiền để trả nữa, mà các nợ nần của anh N do

bố mẹ anh N trả. Tiền lương của anh N từ trước đến nay chỉ để trả nợ, còn anh N không đưa tiền cho chị bao giờ.

Khi anh N chơi bời, nợ nần, chị và bố mẹ anh N cũng đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra như thế nên sống không hạnh phúc, không còn tin tưởng thương yêu nhau.

Từ tháng 01/2024 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn H, huyện L ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị O và anh N có 02 con chung là Đào Phương Nh, sinh ngày 26/12/2005 và Đào Việt Q, sinh ngày 06/4/2010. Sau khi ly hôn chị O xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị O không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2023, bị đơn là anh Đào Việt N xác nhận việc kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Tuy nhiên anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, vì tương lai các con và hạnh phúc gia đình nên chị O xin ly hôn anh không nhất trí.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Kiều O và anh Đào Việt N.

- Về con chung: Cháu Đào Phương Nh, sinh ngày 26/12/2005 đã thành niên nên không phải giải quyết. Giao cho chị Tạ Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Việt Q, sinh ngày 06/4/2010. Chị O không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị O không đề nghị giải quyết nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Tạ Kiều O cư trú tại xã H, thành phố V, tỉnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Đào Việt N cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh P, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị O và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Kiều O và anh Đào Việt N đăng ký kết hôn năm năm 2004 tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh P trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị O xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh N chơi bời, nợ nần. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra như thế nên không có hạnh phúc, không còn tin tưởng, thương yêu nhau. Anh N thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, vì tương lai các con và hạnh phúc gia đình nên anh không nhất trí ly hôn. Quá trình xác minh bố đẻ anh N là ông Đào Việt H xác nhận, ông không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh N, nhưng đã nhiều lần vợ chồng đề nghị ly hôn, còn việc nợ nần của anh N đều do gia đình ông trả cho anh N, chị O không phải gánh vác gì. Điều đó cho thấy cuộc hôn nhân của chị O và anh N đã xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh N được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh N đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc chị O xin ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị O và anh N có 02 con chung là Đào Phương Nh, sinh ngày 26/12/2005 và Đào Việt Q, sinh ngày 06/4/2010. Cháu Nh đã thành niên nên không phải giải quyết. Nguyên vọng của cháu Q xin được ở với mẹ. Xét thấy chị O đang làm công nhân Nhà máy Z, có thu nhập ổn định, bố mẹ đẻ chị O xác nhận cho mẹ con chị O ở cùng. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Việc chị O không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị O không đề nghị nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Kiều O và anh Đào Việt N.

2. Về con chung: Cháu Đào Phương Nh, sinh ngày 26/12/2005 đã thành niên nên không phải giải quyết. Giao cho chị Tạ Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào

Việt Q, sinh ngày 06/4/2010, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị O. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Kiều O phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị O phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: AA/2020/0004526 ngày 11/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị O đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị O và anh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND thị trấn Phong Châu;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Vũ Thường